



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **522** /BC-HĐND

Cao Bằng, ngày **05** tháng **12** năm 2022

BÁO CÁO

Thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách trình kỳ họp thứ 11, Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVII, nhiệm kỳ 2021 - 2026

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định và sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đã tổ chức thẩm tra các báo cáo, hồ sơ dự thảo Nghị quyết trình kỳ họp. Trên cơ sở các báo cáo, hồ sơ dự thảo Nghị quyết của UBND tỉnh trình, thông qua các hoạt động khảo sát, giám sát; tiếp thu ý kiến, kiến nghị của cử tri, ý kiến tham gia của các đại biểu tham dự cuộc họp, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

A. ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TRÌNH KỲ HỌP

I. Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - XH năm 2022, phương hướng, nhiệm vụ năm 2023 (Lĩnh vực Kinh tế - Ngân sách)

1. Về hồ sơ trình thẩm tra: UBND tỉnh gửi báo cáo đầy đủ theo quy định. Tuy nhiên, căn cứ thông báo số 367/TB-HĐND ngày 29/9/2022, của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh: UBND tỉnh gửi báo cáo chậm 01 ngày.

2. Đánh giá chung

Sau khi nghiên cứu Báo cáo của UBND tỉnh về tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022, phương hướng, nhiệm vụ năm 2023, Ban KT-NS cơ bản nhất trí với các nội dung đánh giá của UBND tỉnh đối với những kết quả đã đạt được trong năm 2022. Với sự chỉ đạo của UBND tỉnh, cùng với sự nỗ lực, quyết tâm của cả hệ thống chính trị và hành động cụ thể của các cấp, các ngành, đội ngũ doanh nghiệp và nhân dân trong tỉnh, tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) năm 2022 ước đạt 5,55%, Thu ngân sách nhà nước ước đạt 4.180.000 triệu đồng, so với dự toán HĐND tỉnh giao đạt 207%; Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu qua địa bàn tỉnh đạt 820 triệu USD, đạt 130% Kế hoạch; Tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng 23,3%; Hoạt động tín dụng ngân hàng tương đối ổn định.

Kết quả đạt được năm 2022 theo từng lĩnh vực chủ yếu đã được nêu trong báo cáo của UBND tỉnh.

3. Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách

(1) Trong 17 chỉ tiêu chủ yếu năm 2022 tỉnh đặt ra tại Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 tỉnh Cao Bằng: dự kiến có 13/17 chỉ tiêu đạt kế hoạch, còn 4/17 chỉ tiêu không đạt kế hoạch, trong đó toàn bộ 4 chỉ tiêu không

đạt kế hoạch đều thuộc các chỉ tiêu về lĩnh vực kinh tế (GRDP; GRDP bình quân đầu người; kim ngạch xuất khẩu, trị giá hàng giám sát, tạm nhập, tái xuất; thu nội địa). Ban KTNS đề nghị UBND tỉnh tiếp tục rà soát, thống kê và khẳng định các phương pháp tính toán theo từng ngành, lĩnh vực đã đảm bảo đúng các qui định chưa? qua đó cần phân tích, đánh giá những nguyên nhân, hạn chế tồn tại đối với công tác lãnh đạo chỉ đạo của các ngành, các cấp trong năm 2022.

(2) Đề nghị làm rõ các nội dung sau:

- Lĩnh vực Nông lâm nghiệp: Đối với chỉ tiêu di dời gia súc ra khỏi gầm nhà sàn: số hộ chăn nuôi đưa gia súc ra khỏi gầm sàn tăng thêm 2.215 hộ đạt 100% kế hoạch và kết quả trồng rừng năm 2022 trồng rừng đạt 1.800 ha và đạt 100% kế hoạch, liệu có tính khả thi không? cần phải tổng hợp chính xác kết quả triển khai của các huyện, Thành phố. Đề nghị bổ sung kết quả việc tổ chức triển khai Đề án nông nghiệp thông minh tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021 - 2025 và các nghị quyết của HĐND tỉnh về các chính sách hỗ trợ đối với ngành nông nghiệp của tỉnh.

- Về kết quả giải ngân vốn đầu tư công: Đề nghị UBND tỉnh báo cáo kết quả giải đến 31/10/2022 đạt tỷ lệ % so với KH, (báo cáo theo từng nguồn vốn cụ thể) phân tích đánh giá nguyên nhân, tồn tại hạn chế trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, sự phối hợp của các sở ngành, các tổ công tác được giao nhiệm vụ hỗ trợ, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc công tác giải ngân vốn và trách nhiệm của các chủ đầu tư đã cam kết với UBND tỉnh về kết quả giải ngân vốn đầu tư, đặc biệt là các dự án trọng điểm như: Đường tỉnh 208, từ thị trấn Đông Khê (Thạch An) – xã Chí Viễn (huyện Trùng Khánh), Đường tỉnh 205 huyện Quảng Hòa, đường tránh các Thị trấn: Thị Trấn Quảng Uyên, huyện Quảng Hòa, Thị Trấn nước Hai, huyện Hòa An, Thị trấn Xuân Hòa, huyện Hà Quảng...

- Đối với dự toán 2022: Kết quả thu ngân sách đến ngày 31/10/2022: 950 tỷ đồng đạt 65% KH, theo số thu dự kiến đến 31/12/2022: 1.575 tỷ đồng = 88% KH (số KH 1.788 tỷ đồng), số phải thu 2 tháng cuối năm là: 625 tỷ đồng, đề nghị UBND tỉnh cần khẳng định địa chỉ các nguồn thu và các biện pháp cụ thể để đảm bảo số thu ngân sách theo dự kiến, phân tích các nguyên nhân, lý do ảnh hưởng đến số thu ngân sách và đánh giá công tác tham mưu của các sở, ban, ngành được giao nhiệm vụ, công tác phối hợp với chính quyền địa phương và làm rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân các đơn vị có số thu ngân sách đạt thấp.

Đề nghị các đại biểu HĐND tỉnh thảo luận và cho ý kiến đối với các nội dung trên.

Ban KTNS đề nghị kỳ họp HĐND tỉnh thảo luận, xem xét thông qua.

II. Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện dự toán ngân sách Nhà nước năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023.

1. Về thu ngân sách nhà nước

- Tổng thu ngân sách đến 31/10/2022: 3.478 tỷ đồng, trong đó thu nội địa: 950 tỷ đồng bằng 53% dự toán HĐND giao, thu XNK: 2.533 tỷ đồng bằng

1.097% Dự toán HĐND giao, ước thực hiện đến 31/12/2022: 4.180 tỷ đồng, trong đó: Thu nội địa 1.575 tỷ đồng, bằng 88,1% dự toán HĐND giao; Thu xuất NK 2.600 tỷ đồng, bằng 1.130% dự toán HĐND giao.

- Thu ngân sách trên địa bàn các huyện, thành phố thực hiện đến 31/10/2022: 427 tỷ đồng (bằng 59% dự toán giao), các huyện đạt từ 48% đến 102%. Thu cân đối đạt 237,6 tỷ đồng bằng 55% dự toán giao, các huyện đạt từ 40% đến 76%. Trong đó, so với dự toán được giao, thu trên địa bàn huyện Hạ Lang đạt cao nhất 102%, huyện Hòa An thấp nhất 48%; thu cân đối huyện Bảo Lâm cao nhất đạt 76%, huyện Quảng hòa 40%.

2. Về chi ngân sách địa phương

- Thực hiện đến 31/10/2022: Tổng chi NSDP: 5.384,5 tỷ đồng, đạt 49,2% so với dự toán HĐND tỉnh giao, trong đó: Chi đầu tư phát triển là 1.104 tỷ đồng, đạt 33,1% dự toán giao; Chi thường xuyên và mục tiêu sự nghiệp là 4.277 tỷ đồng, đạt 60% dự toán giao.

- Tổng chi NSDP ước thực hiện cả năm 2022 là 12.158 tỷ đồng, so với dự toán HĐND tỉnh giao đạt 111%, trong đó: Chi đầu tư phát triển là 3.962,400 tỷ đồng, đạt 119% dự toán HĐND tỉnh; Chi thường xuyên và mục tiêu sự nghiệp: 7.848 tỷ đồng, đạt 110% dự toán HĐND tỉnh.

3. Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách

Qua thẩm tra Ban Kinh tế- ngân sách cần bổ sung, làm rõ có một số nội dung sau:

(1) Về dự toán thu ngân sách: Đề nghị UBND tỉnh bổ sung nội dung đánh giá nguyên nhân tăng, giảm thu ngân sách? Trong đó cần báo cáo đánh giá chi tiết đối với các khoản thu không đạt như: Thu khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (56%), Thu cấp quyền khai thác khoáng sản (54,8%), Lệ phí trước bạ (56%), Thu tiền sử dụng đất (19,7%), Thuế bảo vệ môi trường (45,7%), cần phân tích nguyên nhân, lý do và trách nhiệm các đơn vị được giao Thu ngân sách có số thu đạt thấp, công tác phối hợp để tổ chức triển khai thu Ngân sách trong 2 tháng cuối năm 2022.

(2) Về chi ngân sách địa phương:

- Tổng chi Ngân sách địa phương đến 31/10/2022 đạt 49,2% dự toán giao, đề nghị báo cáo bổ sung những khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện chi ngân sách của một số ngành, lĩnh vực, có phương án điều chỉnh, cắt giảm dự toán các đơn vị, ưu tiên bố trí nguồn kinh phí để chi các nhiệm vụ chính trị, phát sinh đột xuất, tiết kiệm nguồn chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư phát triển, hạn chế chi chuyển nguồn và kết dư ngân sách.

- Báo cáo làm rõ số kinh phí chi thường xuyên chưa phân bổ cho các địa phương, đơn vị còn lại đến thời điểm 31/10/2022.

- Xây dựng các phương án cắt giảm một số khoản chi các đơn vị, để bù số hụt thu cân đối ngân sách.

Ban KTNS đề nghị kỳ họp HĐND tỉnh thảo luận, xem xét thông qua.

III. Báo cáo đánh giá tình hình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022, phương hướng, nhiệm vụ năm 2023.

UBND tỉnh đã lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành, địa phương, thực hiện công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí gắn với việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương, Ban nhất trí với đánh giá.

Ban KTNS kiến nghị:

(1) Bổ sung báo cáo còn bao nhiêu đơn vị chưa quan tâm, chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, các biện pháp, hướng xử lý đối với người đứng đầu các đơn vị.

(2) Việc tiết kiệm trong đấu thầu, mua sắm tài sản trong năm, có bao nhiêu đơn vị, số tiền tiết kiệm được?

(3) Số kinh phí tiết kiệm thông qua việc đấu thầu các dự án đầu tư?, có bao nhiêu dự án theo từng lĩnh vực, ngành và các địa phương.

Ban KTNS đề nghị kỳ họp HĐND tỉnh thảo luận, xem xét thông qua.

B. CÁC DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT TRÌNH KỲ HỌP

I. Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách địa phương tỉnh Cao Bằng (lần 4)

1. Căn cứ pháp lý và thẩm quyền ban hành Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết được xây dựng và trình HĐND tỉnh thông qua đầy đủ căn cứ pháp lý và đảm bảo đúng thẩm quyền của HĐND tỉnh theo quy định.

2. Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách

(1) Thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh giải trình, làm rõ và đề xuất hướng xử lý với nội dung: “- *Kiểm tra, rà soát điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đảm bảo tổng nguồn vốn giai đoạn không vượt quá tổng chi đầu tư trong kế hoạch tài chính 5 năm giai đoạn 2021-2025 của tỉnh, tuân thủ quy định điểm b, khoản 1, điều 47 Luật Đầu tư công.*”

(2) Việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, phải tuân thủ theo đúng qui định của luật Đầu tư công, do đó cần xem xét làm rõ một số vấn đề sau:

- Đề nghị UBND báo cáo giải trình và hướng xử lý phần nợ phát sinh hơn 100 tỷ theo kết luận của Ủy ban kiểm tra trung ương và khẩn trương rà soát các dự án còn nợ đọng xây dựng cơ bản và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

- Theo phương án bán đấu giá đất đai, nhà của cả giai đoạn là khoảng 550 tỷ đồng, trong khi dự kiến bố trí 1.425 tỷ, như vậy còn thiếu khoảng 875 tỷ đồng. Vậy đề nghị UBND tỉnh cho biết có đảm bảo cân đối nguồn vốn không, có cắt giảm các dự án đầu tư không?

- Bổ sung kế hoạch trung hạn đối với kế hoạch vốn từ nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp dành để đầu tư theo quy định của pháp luật quy định tại Công văn số 5035/BKHĐT-TH ngày 22 tháng 7 năm 2022 về việc xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2023.

(3) Đề nghị cân đối bố trí nguồn vốn để trả phí, lãi vay các năm 2023, 2024, 2025 theo qui định và các dự án nông nghiệp nông minh đã điều chỉnh nguồn vốn.

(4) Việc bổ sung nguồn vốn cho các dự án: Trụ sở làm việc các cơ quan Đảng tỉnh Cao Bằng, Dự án Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cấp huyện, do chưa đủ điều kiện, nên không điều chỉnh bổ sung đợt này.

Ban KTNS đề nghị kỳ họp HĐND tỉnh thảo luận, xem xét, quyết định.

II. Nghị quyết kế hoạch đầu tư công năm 2023 tỉnh Cao Bằng

1. Căn cứ pháp lý và thẩm quyền ban hành Nghị quyết

Căn cứ Khoản 1, Điều 63, Luật Đầu tư công; Dự thảo Nghị quyết được UBND tỉnh xây dựng và trình HĐND tỉnh thông qua đầy đủ căn cứ pháp lý và đảm bảo đúng thẩm quyền của HĐND tỉnh theo quy định.

2. Về nội dung Nghị quyết

Thông qua Kế hoạch đầu tư công năm 2023 tỉnh Cao Bằng là **4.711.066 triệu đồng**, gồm:

- Vốn ngân sách nhà nước: 4.082.966 triệu đồng.
- Vốn nước ngoài vay lại từ Chính phủ: 10.800 triệu đồng
- Nguồn ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác: 628.100 triệu đồng.

3. Ý kiến của ban KT-NS

(1) Về nguyên tắc, tiêu chí bố trí vốn đầu tư công năm 2023: Đề nghị UBND tỉnh khẳng định việc bố trí vốn đầu tư công năm 2023 đảm bảo nguyên tắc, tiêu chí bố trí vốn đầu tư công năm 2023 đúng theo quy định tại Khoản 8 - Điều 4 - Nghị Quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020.

(2) Đối với việc bố trí nguồn vốn cho phần nợ đọng, đề nghị UBND tỉnh rà soát, tổng hợp các dự án nợ đọng xây dựng cơ bản, báo cáo Hội đồng nhân tỉnh xem xét, quyết định.

(3) Với những nội dung UBND tỉnh đã điều chỉnh trong năm 2022, phải thông qua kỳ họp HĐND tỉnh (Báo cáo chi tiết cụ thể bằng văn bản). Cụ thể như dự án Xây mới và mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm Y tế huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng.

(4) Đối với những sự thay đổi (công trình tăng, giảm, số vốn bố trí năm 2023) giữa Tờ trình số 3015/TTr-UBND ngày 16/11/2022 và Dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2023 tại Tờ trình 2089/TTr-UBND ngày 15/8/2022 đã được hội đồng nhân dân cho ý kiến nhất trí tại kỳ họp thứ 9, đề nghị UBND tỉnh giải trình làm rõ nguyên nhân, lý do thay đổi.

(5) Tại biểu số 8, trang số 02, chưa phân bổ chi tiết 70.000 triệu đồng, đề nghị UBND tỉnh cho biết nguyên nhân, lý do chưa phân bổ và báo cáo phương án dự kiến sẽ phân bổ như thế nào?

Ban KTNS đề nghị kỳ họp HĐND tỉnh thảo luận, xem xét thông qua.

III. Nghị quyết Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 tỉnh Cao Bằng

1. Căn cứ pháp lý và thẩm quyền ban hành Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết được UBND tỉnh xây dựng và trình HĐND tỉnh thông qua đầy đủ căn cứ pháp lý và đảm bảo đúng thẩm quyền của HĐND tỉnh theo quy định.

2. Về nội dung Nghị quyết

- Mục tiêu tổng quát: nhất trí như dự thảo
- Các chỉ tiêu chủ yếu: 17 chỉ tiêu theo tờ trình của UBND tỉnh
- Các giải pháp chủ yếu đối với các lĩnh vực: Nông, lâm, ngư nghiệp; Công nghiệp; thương mại, dịch vụ và du lịch; quy hoạch, kế hoạch, giao thông, phát triển doanh nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; Tài chính, ngân hàng; Khoa học công nghệ; Tài nguyên và môi trường; thông tin và truyền thông; Văn hóa và xã hội; Công tác dân tộc và tôn giáo; Nội vụ, thanh tra, tư pháp; Quốc phòng, an ninh

3. Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách tỉnh

(1) Đối với các chỉ tiêu năm 2023, đề nghị UBND tỉnh giải thích căn cứ xây dựng và đưa ra những con số cụ thể của các chỉ tiêu. Ban KTNS nhất trí với ý kiến của Cục Thống kê tỉnh Cao Bằng và đề nghị UBND tỉnh giải trình rõ thêm, cụ thể:

- Về tăng trưởng khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản (NLTS): Khu vực NLTS dự kiến mức tăng trưởng là 3,1% so với năm 2022. Tuy nhiên, số liệu tại biểu đính kèm mức tăng của các sản phẩm chính không cao. Vậy với dự kiến sản lượng thì không thể đạt mức tăng trưởng 3,1% nếu không có dư địa mới trong lĩnh vực NLTS.

- Giá trị công nghiệp theo giá so sánh tăng 25,68% so với năm 2022 là chưa có căn cứ, cần phải làm rõ sản phẩm tạo dư địa mới trong ngành này để có mức tăng trưởng đột phá như trên.

- Khu vực dịch vụ: Dự kiến năm 2023, giá trị tăng thêm khu vực dịch vụ tăng 8,35% là khó khả thi.

(2) Đối với việc thay đổi về tiêu chí đối với các tiêu chí về nông thôn mới, Ban KTNS đề nghị UBND tỉnh rà soát lại chỉ tiêu số xã đạt tiêu chí nông thôn mới trong năm 2023.

(3) Đối với chỉ tiêu về *số hộ chăn nuôi đưa gia súc ra khỏi gầm sàn và tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý*, Ban đề nghị kiểm tra lại số liệu năm 2022 và chỉ tiêu năm 2023 đã chính xác và hợp lý chưa?

(4) Đối với chỉ tiêu Thu ngân sách, Ban KTNS đề nghị UBND tỉnh bổ sung các nội dung phát sinh các khoản như: (ghi thu ghi chi, trả nợ vay...).

(5) Đề nghị UBND tỉnh giải trình, làm rõ căn cứ để đưa ra các chỉ tiêu văn hóa - xã hội. Cụ thể như: số gia đình văn hóa, khu dân cư văn hóa, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp văn hóa, số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế xã... để làm cơ sở xây dựng các chỉ tiêu năm 2023.

- Đối với Chỉ tiêu số 8: Xây dựng trường chuẩn quốc gia tăng thêm 6 trường mầm non và phổ thông, đề nghị tăng số trường chuẩn quốc gia từ 06 trường lên 10 trường.

Ban KT - NS đề nghị kỳ họp HĐND tỉnh thảo luận, xem xét thông qua.

IV. Nghị quyết Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí và lệ phí trong lĩnh vực tài nguyên trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

1. Sự cần thiết và thẩm quyền ban hành Nghị quyết:

Do căn cứ ban hành Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND và Nghị quyết số 79/2016/NQ-HĐND đã có các văn bản hướng dẫn mới, việc HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí và lệ phí trong lĩnh vực tài nguyên là cần thiết và đúng thẩm quyền.

2. Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách

2.1. Đối với Phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất (Khoản 1 Điều 2)

- Tại điểm c quy định về mức thu: Thẩm định Đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất lưu lượng từ 1000 m³ đến dưới 3000 m³/ngày đêm, đề nghị giải trình mức tăng trên do phát sinh từ yếu tố cấu thành nào?

2.2. Đối với Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Khoản 2 Điều 2)

- Tại mức thu (Khoản c):

+ Dự thảo nghị quyết đã xây dựng nội dung thu, mức thu chi tiết đối với từng đối tượng và theo quy mô diện tích, Ban KTNS đề nghị UBND tỉnh báo cáo, giải trình căn cứ xây dựng nội dung, mức thu?

+ Dự thảo Nghị quyết đang quy định mức thu theo địa chỉ nộp hồ sơ (*địa chỉ nộp hồ sơ khác nhau có mức thu khác nhau*), tuy nhiên, tại mức thu của Lệ phí (Điểm c Khoản 6 Điều 2) đang quy định mức thu theo địa chỉ thửa đất. Ban đề nghị báo cáo, làm rõ?

2.3. Đối với tỷ lệ để lại, nộp ngân sách nhà nước đối với 05 loại phí

Dự thảo Nghị quyết đang quy định tỷ lệ để lại cho tổ chức thu phí, nộp ngân sách nhà nước đối với 05 loại phí như nội dung dự thảo.

- Báo cáo, giải trình đối với việc tăng tỷ lệ để lại đối với 04 loại phí từ mức 40, 50% lên 80%?

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị kỳ họp HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

V. Nghị quyết thông qua danh mục các dự án, công trình cần thu hồi đất 2023

1. Căn cứ pháp lý và thẩm quyền ban hành Nghị quyết

Tại Điều 45 Luật Đất đai năm 2013, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua danh mục các dự án phải thu hồi đất để sử dụng vào mục đích phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng là đầy đủ căn cứ pháp lý và đảm bảo đúng thẩm quyền của HĐND tỉnh theo quy định.

2. Về nội dung Nghị quyết:

UBND tỉnh trình HĐND tỉnh khóa XVII thông qua danh mục 550 dự án cần thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng năm 2023 với tổng diện tích **1.635,62** ha, gồm:

- Diện tích đất trồng lúa: **214,82** ha;
- Diện tích đất rừng phòng hộ: **208,12** ha;
- Diện tích đất rừng đặc dụng: **0,66** ha;
- Các loại đất khác: **1.210,67** ha.

3. Ý kiến của Ban KTNS:

a) Đề nghị UBND tỉnh rà soát lại tổng số dự án và tổng số diện tích thu hồi năm 2023 (*chưa khớp với bảng biểu, phụ lục kèm theo, cụ thể: theo bảng biểu, phụ lục: tổng số dự án, công trình thu hồi đất là 582, trong đó: dự án, công trình chuyển tiếp: 233, công trình đăng ký mới: 349; với tổng số diện tích thu hồi là: 1.634,27ha*).

b) Đối với danh mục dự án đăng ký mới trong năm 2023

- Đề nghị UBND tỉnh rà soát, đối chiếu một số dự án đang trùng lặp giữa danh sách đăng ký mới và danh sách chuyển tiếp.

- Diện tích thu hồi của một số dự án chưa thống nhất giữa văn bản pháp lý và bản vẽ vị trí, ranh giới.

c) Đối với danh mục dự án chuyển tiếp từ năm 2022

- Nhiều dự án đã được thông qua danh mục thu hồi đất để thực hiện quá 03 năm liên tiếp, phải hủy bỏ theo quy định tại Điều 49 Luật đất đai nhưng UBND tỉnh vẫn đưa vào danh mục trình HĐND tỉnh, Ban KTNS đề nghị UBND tỉnh báo cáo, làm rõ, các căn cứ pháp lý để tiếp tục được triển khai đối với các dự án: (*Chi tiết biểu số 1 kèm theo*)

- Nhiều dự án trong danh mục chuyển tiếp từ năm 2022, qua đối chiếu các Nghị quyết thông qua danh mục thu hồi đất năm 2022 của HĐND tỉnh không có các dự án này, cụ thể:

+ Cải tạo nâng cấp đường Bản Phưởng - Lũng Piao, xã Khánh Xuân, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng;

+ Trụ sở làm việc Kho bạc Nhà nước Hạ Lang, Cao Bằng;

+ Đường giao thông vào các xóm thị trấn Thanh Nhật (*Hạ Lang*);

+ Trạm y tế xã Đức Quang, huyện Hạ Lang.

- Có dự án không thuộc trường hợp HĐND tỉnh phải thu hồi đất nhưng vẫn đưa vào danh mục dự án đề nghị thông qua, cụ thể: Mỏ đá Nà Cháo, xóm Nà Cháo, xã Sóc Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng

d) Ban KTNS đề nghị UBND tỉnh khẩn trương chỉ đạo cơ quan chuyên môn, các huyện, thành phố rà soát các dự án thuộc 03 Chương trình mục tiêu quốc gia được phân bổ ngân sách nhà nước năm 2022 theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 15/7/2022, Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 02/11/2022 của HĐND tỉnh, đưa vào danh mục dự án, công trình thu hồi đất năm 2023 để triển khai thực hiện đảm bảo quy định.

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị kỳ họp HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

VI. Nghị quyết thông qua danh mục các dự án, công trình đăng ký nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2023

1. Căn cứ pháp lý và thẩm quyền ban hành Nghị quyết

Tại Điểm b Khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai năm 2013 quy định điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư. Việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua danh mục các dự án, công trình đăng ký nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2023 là đầy đủ căn cứ pháp lý và đảm bảo đúng thẩm quyền của HĐND tỉnh theo quy định.

2. Về nội dung Nghị quyết:

UBND tỉnh trình Kỳ họp thứ 11 (thường lệ cuối năm 2022), HĐND tỉnh khóa XVII thông qua danh mục 270 dự án, công trình đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2023 với tổng diện tích cần chuyển đổi là: **165,90** ha, gồm:

- Diện tích đất trồng lúa: **45,57** ha;

- Diện tích đất rừng phòng hộ: **119,97** ha;
- Diện tích đất rừng đặc dụng: **0,36** ha.

3. Ban Kinh tế Ngân sách có ý kiến như sau:

Danh mục 270 dự án, công trình đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2023 nằm trong số 349 dự án, công trình cần thu hồi đất năm 2023 (*các công trình đăng ký mới*). Đề nghị UBND tỉnh căn cứ các ý kiến của Ban KTNS có ý kiến ở phần thẩm tra dự thảo Nghị quyết thông qua danh mục các dự án, công trình cần thu hồi đất 2023, để rà soát, điều chỉnh dự thảo Nghị quyết, phụ lục kèm theo đảm bảo các danh mục dự án, công trình chính xác, thống nhất giữa 02 Nghị quyết.

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị kỳ họp HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

VII. Nghị quyết kéo dài thời gian áp dụng Nghị quyết số 94/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Cao Bằng thông qua giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

1. Căn cứ pháp lý và sự cần thiết phải ban hành

Điểm a, khoản 2, Điều 35 Luật Thủy lợi năm 2017 và Quyết định số 1477/QĐ-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ Tài chính quy định giá tối đa sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021, Hiện nay Bộ Tài chính chưa ban hành Quyết định quy định giá tối đa sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi năm 2022, nên chưa có cơ sở để xây dựng Dự thảo Nghị quyết trình HĐND tỉnh thông qua giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2022 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. Việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết kéo dài thời hạn áp dụng Nghị quyết số 94/2021/NQ-HĐND trong năm là cần thiết

2. Về nội dung của dự thảo Nghị quyết

Ban KTNS HĐND tỉnh nhất trí với đề xuất của UBND tỉnh kéo dài thời hạn áp dụng Nghị quyết số 94/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Cao Bằng thông qua giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đến khi có văn bản mới thay thế hoặc bãi bỏ.

3. Ban KTNS kiến nghị:

(1) HĐND tỉnh thể hiện nội dung đồng thuận với UBND tỉnh trong Nghị quyết kỳ họp HĐND tỉnh (không ban hành nghị quyết riêng).

(2) Khi có văn bản quy định, hướng dẫn mới của cấp trên, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan chuyên môn nghiên cứu, tham mưu xây dựng dự thảo Nghị quyết của HĐND để thực hiện theo hướng dẫn, chỉ đạo của cấp trên.

Ban KTNS đề nghị kỳ họp HĐND xem xét quyết định.

VIII. Nghị quyết quy định thời hạn phê chuẩn quyết toán ngân sách cấp xã, cấp huyện và thời hạn Ủy ban nhân dân các cấp gửi báo cáo quyết toán ngân sách hằng năm trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

1. Cơ sở pháp lý, sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Căn cứ Khoản 2, 3 và 5 Điều 69 Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015, thì việc HĐND tỉnh ban hành “Nghị quyết quy định thời hạn phê chuẩn quyết toán ngân sách cấp xã, cấp huyện và thời hạn Ủy ban nhân dân các cấp gửi báo cáo quyết toán ngân sách hằng năm trên địa bàn tỉnh Cao Bằng” để có cơ sở triển khai thống nhất trên địa bàn tỉnh Cao Bằng là cần thiết, phù hợp với quy định hiện hành.

2. Ban KTNS có ý kiến:

Tại Khoản 2 của dự thảo Nghị quyết, đề nghị tách nội dung, theo đó:

- Nội dung “Thời hạn Ủy ban nhân dân các cấp gửi báo cáo quyết toán ngân sách địa phương đến Ban của Hội đồng nhân dân cùng cấp để thẩm tra; đồng thời gửi cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp” được quy định tại Khoản 2 điều 2 của dự thảo nghị quyết.

- Bổ sung Khoản 3 để quy định Nội dung “Thời hạn UBND các cấp gửi báo cáo Thường trực HĐND cùng cấp quyết toán ngân sách địa phương”, đồng thời, điều chỉnh mốc thời gian UBND các cấp gửi báo cáo Thường trực HĐND chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp HĐND.

Ban KTNS đề nghị kỳ họp HĐND xem xét quyết định.

IX. Nghị quyết ban hành Quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Cao Bằng.

1. Cơ sở pháp lý, sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Trung ương ban hành Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP, nên việc xây dựng Nghị quyết ban hành Quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh Cao Bằng thay thế Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND là cần thiết, đúng quy định.

2. Ý kiến của Ban KTNS:

- Điều 3 của dự thảo Quy định kèm theo dự thảo Nghị quyết

+ Tại Khoản 3 và 4 của Điều 3 nội dung: “(trừ tài sản quy định tại khoản 2 điều này)”, đề nghị sửa lại thành “(trừ tài sản thuộc thẩm quyền quyết định mua sắm của Chủ tịch UBND tỉnh)”,

+ Tại Khoản 5 Điều 3 nội dung: “(trừ tài sản quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 5 điều này)”, đề nghị sửa lại thành “(trừ tài sản thuộc thẩm quyền

quyết định mua sắm của Chủ tịch UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành cấp tỉnh hoặc tương đương; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố”.

Ban KTNS đề nghị kỳ họp HĐND xem xét quyết định.

X. Nghị quyết phê chuẩn quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, quyết toán chi ngân sách địa phương năm 2021.

1. Cơ sở pháp lý, sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Dự thảo nghị quyết phù hợp với quy định tại Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ ban hành quy chế lập, thẩm tra quyết định kế hoạch tài chính 5 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm địa phương, kế hoạch tài chính ngân sách nhà nước 03 năm, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hàng năm; Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính quy định về lập, tổng hợp và gửi báo cáo quyết toán năm.

2. Đối với các nội dung đề nghị quyết toán

a) Về thu ngân sách

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 1.985,4 tỷ đồng (đạt 98% so với dự toán HĐND quyết định), trong đó:

- **Thu nội địa:** đạt 1.522 tỷ đồng (đạt 83% so với dự toán HĐND tỉnh quyết định), (nội dung chi tiết theo tờ trình).

- **Thu thuế xuất, nhập khẩu:** Tổng số thu thuế xuất, nhập khẩu thực hiện 435,6 tỷ đồng, đạt 239% dự toán TW, đạt 218% dự toán HĐND tỉnh, tăng 114% so với cùng kỳ năm trước.

Ý kiến của Ban KTNS

(1) Việc xây dựng dự toán ngân sách chưa dự báo đúng tình hình, nhiều chỉ tiêu thu ngân sách chưa sát thực tế, có chỉ tiêu vượt, nhiều chỉ tiêu đạt thấp so với số HĐND tỉnh quyết định. Ban đề nghị UBND tỉnh cần đánh giá đúng những hạn chế, khó khăn, tồn tại và chỉ đạo công tác xây dựng dự toán thu ngân sách của ngành, các cấp, đảm bảo sát với các nguồn thu, để chỉ tiêu thu ngân sách đạt so với số dự toán.

(2) Số nợ thuế của các đối tượng nộp thuế đến hết năm 2021 cao (Tổng số nợ cuối kỳ 272.218, đề nghị: UBND tỉnh có các biện pháp xử lý dứt điểm đối với các trường hợp nợ đọng tiền thuế, phí, tiền phạt, tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật; chỉ đạo Ngành Thuế thực hiện tốt các quy định về khoanh nợ tiền thuế, xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp theo Nghị quyết số 94/2019/QH14.

b) Quyết toán chi cân đối NSDP năm 2021 là 12.483.107 tỷ đồng

- **Chi đầu tư phát triển:** Số quyết toán 975.313 tỷ đồng, giảm so với dự toán 220.178 tỷ đồng.

- **Chi thường xuyên:** Số quyết toán là 6.679.452 tỷ đồng, tăng so với dự toán 280.770 tỷ đồng.

- **Chi các chương trình mục tiêu:** 2.089.825 tỷ đồng, tăng so với dự toán 121.658 tỷ đồng.

- **Chi chuyển nguồn năm sau:** 2.249,728 tỷ đồng

Ý kiến của Ban KTNS

(1) Đề nghị UBND tỉnh báo cáo tình hình thực hiện các kiến nghị của kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Cao Bằng?

(2) Đối với các khoản thu: đề nghị UBND tỉnh giải trình: số Thu NSDP dự toán giao 10.023.917 triệu đồng, số đề nghị quyết toán là: 12.499.191 triệu đồng?

(3) Đối với các khoản chi NS: đề nghị UBND tỉnh giải trình, làm rõ:

- Chi đầu tư phát triển giảm: 220.178 tỷ đồng so với dự toán.

- Chi thường xuyên tăng: 280.770 tỷ đồng, thuyết minh rõ các nội dung chi, theo từng lĩnh vực cụ thể.

- Chi các chương trình mục tiêu: tăng so với dự toán 121.658 tỷ đồng, thuyết minh làm rõ chi cho các chương trình, mục tiêu, nhiệm vụ nào?

- Chi chuyển nguồn năm sau: 2.249,728 tỷ đồng, bao gồm:

+ Chi đầu tư phát triển: 929,578 tỷ đồng, nêu rõ nguyên nhân, lý do và có bao nhiêu công trình, dự án chuyển sang thực hiện trong năm 2023.

+ Chi bổ sung cho các đơn vị sau ngày 30/9 trong năm: 118,892 tỷ đồng, bổ sung danh sách các đơn vị được giao dự toán và các cung cấp các văn bản liên quan của cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Phương án xử lý số tiền tăng thu: 329,402 tỷ đồng.

(4) Giải trình chi tiết thêm một số nội dung tại các biểu:

- Biểu số 54: Một số đơn vị có số quyết toán tăng đột biến so với dự toán, cụ thể: Ban Dân tộc tăng 187%, Sở Giao thông vận tải tăng 141%, Sở Xây dựng tăng 185%, Ban quản lý khu kinh tế tỉnh tăng 242%?

- Biểu số 58: Tổng chi thường xuyên: Dự toán 4.638.045 triệu đồng, số đề nghị quyết toán 5.131.168 triệu đồng? Giải trình chi tiết tăng của từng đơn vị, nguyên nhân, lý do?

- Biểu số 59:

+ Vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ: Dự toán 366,352 tỷ đồng, số đề nghị quyết toán 176,844 tỷ đồng?

+ Vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách: Dự toán 298,170 tỷ đồng, số đề nghị quyết toán 767,825 tỷ đồng? Giải trình chi tiết tăng của từng đơn vị, nguyên nhân, lý do?

(5) Trong năm 2021 UBND tỉnh ban hành các quyết định bổ sung dự toán cho các đơn vị, không xin ý kiến của Thường trực HĐND tỉnh, các quyết định giao dự toán của UBND tỉnh cho các cơ quan, đơn vị, không gửi Thường trực HĐND tỉnh để báo cáo. Đề nghị UBND tỉnh báo cáo thuyết minh, giải trình về căn cứ pháp lý của các quyết định giao bổ sung dự toán cho các đơn vị.

(6) Trong điều kiện ngân sách địa phương còn khó khăn, nhu cầu chi ngân sách để phục vụ các nhiệm vụ chính trị chưa được đáp ứng, tuy nhiên số tiền phải trả tiền về Trung ương 274,172 tỷ đồng; Kết dư ngân sách 16.084 tỷ đồng. Đề nghị báo cáo đánh giá về công tác quản lý, điều hành ngân sách nhà nước của các ngành, các cấp.

Đề nghị các đại biểu HĐND tỉnh, thảo luận và quyết định.

Ban KTNS đề nghị kỳ họp HĐND tỉnh thảo luận, xem xét thông qua.

XI. Nghị quyết về việc điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân bổ vốn ngân sách nhà nước năm 2022 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (lần 2)

1. Về thẩm quyền, sự cần thiết ban hành

Dự thảo nghị quyết được xây dựng đúng thẩm quyền về nội dung và hình thức; việc đề nghị ban hành nghị quyết là cần thiết nhằm khắc phục những hạn chế, bất cập trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 trên thực tế; phù hợp chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của nhà nước và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Về nội dung Nghị quyết

3.1. Điều chỉnh, bổ sung Phụ lục 1 kèm theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND: Tổng hợp phân bổ vốn ngân sách nhà nước Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022.

3.2. Điều chỉnh, bổ sung nội dung dự án tại phụ lục 5 kèm theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND: Danh mục dự án đầu tư thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022 là 52 dự án, trong đó:

a) Điều chỉnh tổng hợp nội dung: 9 dự án.

b) Điều chỉnh tên dự án: 1 dự án.

c) Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2022: 10 dự án.

d) Các dự án không thực hiện: 16 dự án.

đ) Dự án bổ sung mới 16 dự án.

3.3. Điều chỉnh, bổ sung nội dung dự án tại phụ lục 6 kèm theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND: Danh mục dự án đầu tư thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững là 206 dự án, trong đó:

a) Điều chỉnh tổng hợp nội dung: 82 dự án.

b) Điều chỉnh tổng mức đầu tư, cơ cấu vốn đầu tư: 13 dự án.

c) Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2022: 26 dự án.

d) Điều chỉnh quy mô thực hiện dự án: 8 dự án.

đ) Các dự án không thực hiện: 72 dự án.

e) Điều chỉnh cơ chế thực hiện: 1 dự án.

g) Dự án bổ sung mới 4 dự án.

3.4. Các nội dung khác không điều chỉnh, bổ sung thực hiện theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng và Nghị quyết số 72/NQ-HĐND, ngày 02 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.

3. Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách

(1) Tờ trình số 3112/TTr-UBND ngày 28/11/2022, UBND tỉnh trình về sự cần thiết ban hành nghị quyết được đưa ra chủ yếu là từ phía khách quan, Ban KTNS đề nghị UBND tỉnh cần bổ sung các lý do chủ quan, những khó khăn, vướng mắc và bất cập trong triển khai thực hiện nghị quyết tại các địa phương.

(2) Đối với CTMTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: điều chỉnh 52 dự án (trong đó: không thực hiện: 16 dự án; bổ sung mới 16 dự án). Ban KTNS đề nghị UBND tỉnh giải trình nguyên nhân, lý do các dự án không thực hiện và các dự án đề nghị bổ sung mới, đồng thời gửi kèm theo các văn bản đề nghị của các địa phương.

(3) Về CTMTQG giảm nghèo bền vững: Số dự án điều chỉnh là: 206, sau khi so sánh số dự án điều chỉnh với tổng số dự án đã phân bổ tại Nghị quyết số 29/NQ-HĐND: 206/236 dự án bằng 87,3% tổng số dự án cần điều chỉnh. Đề nghị UBND giải trình tại sao tỷ lệ dự án cần điều chỉnh lớn như trên? Và gửi kèm theo các văn bản đề nghị của các địa phương không thực hiện dự án?

(4) Ban KTNS đề nghị UBND tỉnh cho biết tại phụ lục 3 có bao nhiêu dự án thuộc cơ chế đặc thù được điều chỉnh không thực hiện? Khi điều chỉnh các dự án thực hiện theo cơ chế đặc thù sẽ làm thay đổi như thế nào đối với quy định tỉ lệ dự án thực hiện theo cơ chế đặc thù quy định tại Nghị quyết số 54/2022/NQ-HĐND ngày 30/8/2022.

Ban KT - NS trình Kỳ họp xem xét, quyết định.

XII. Nghị quyết phân cấp cho Hội đồng nhân dân các huyện, thành phố phân bổ ngân sách nhà nước hàng năm chi tiết theo danh mục dự án đầu tư thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi, địa bàn quản lý

1. Về thẩm quyền, sự cần thiết ban hành

Dự thảo nghị quyết được xây dựng đúng thẩm quyền về nội dung và hình thức; việc đề nghị ban hành nghị quyết là cần thiết nhằm khắc phục những hạn chế, bất cập trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 trên thực tế; phù hợp chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của nhà nước và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Ý kiến của ban KT-NS

(1) Đề nghị UBND tỉnh cần bổ sung báo cáo đánh giá thực trạng, khó khăn, vướng mắc chi tiết, cụ thể trong quá trình thực hiện Nghị quyết 29/NQ-HĐND ngày 15/7/2022, từ đó đề xuất phương án phân cấp cho địa phương thực hiện một số nội dung: Phân bổ ngân sách nhà nước hàng năm chi tiết theo danh mục dự án đầu tư thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

(2) Ban KTNS đề nghị UBND tỉnh xác định rõ thời điểm phân cấp từ 2021- 2025 trong tên, các nội dung phân cấp của nghị quyết tại điều 1 nên quy định lại phân cấp cho HĐND các huyện, Thành phố từ năm 2023.

(3) Tại khoản 1, Điều 1, bỏ cụm từ “ Đối với các danh mục dự án có tổng mức đầu tư từ 15 tỷ đồng... xin ý kiến HĐND tỉnh trước khi phân bổ” và tại khoản 2, điều 1, bổ sung tại NQ số 72/NQ-HĐND và NQ số.../NQ-HĐND tỉnh ngày 9/12/2022 và cần phải qui định rõ những nội dung được điều chỉnh.

- Tại khoản 1, điều 2, bỏ cụm từ “ Tổng hợp từ các huyện và có văn bản đối với danh mục trên 15 tỷ đồng”, bổ sung và báo cáo HĐND tại kỳ họp gần nhất.

Đề nghị các đại biểu HĐND tỉnh nghiên cứu, thảo luận và cho ý kiến.

Ban KTNS trình Kỳ họp xem xét, quyết định.

XIII. Nghị quyết Thông qua Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đến năm 2045, tỷ lệ 1/10.000

1. Về thẩm quyền, sự cần thiết ban hành

Tại Tờ trình số 3089/TTr-UBND ngày 24/11/2022 chưa thể hiện rõ nội dung về thẩm quyền, sự cần thiết ban hành Nghị quyết Thông qua Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đến năm 2045, tỷ lệ 1/10.000. Ban KT - NS đề nghị UBND tỉnh giải trình bổ sung cụ thể sự cần thiết, các căn cứ pháp lý và thẩm quyền ban hành đối với việc Thông qua Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Cao Bằng đến năm 2045, tỷ lệ 1/10.000.

2. Ý kiến của ban KT-NS

(1) Đề nghị UBND tỉnh bổ sung báo cáo thuyết minh những nội dung đã điều chỉnh tại Nghị quyết này so với Quyết định số 2608/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Cao Bằng.

(2) Quy mô lập quy hoạch: Tại Nghị quyết 06/NQ-HĐND ngày 25/5/2022 của HĐND tỉnh về việc thông qua nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đến năm 2045, tỷ lệ 1/10.000, với quy mô nghiên cứu lập quy hoạch là 10.700 ha, mở rộng nghiên cứu kết nối với quy mô nghiên cứu lập quy hoạch là 5.200 ha. Tuy nhiên, dự thảo Nghị quyết UBND tỉnh trình có sự chênh lệch số liệu tại Nghị quyết 06/NQ-HĐND: với quy mô là 10.711,66 ha và mở rộng nghiên cứu kết nối với quy mô 5.188,34 ha. Ban KTNS đề nghị UBND tỉnh giải trình sự chênh lệch số liệu nêu trên?

(3) Tại dự thảo Nghị quyết trang số 02, đề nghị UBND tỉnh xem xét nội dung “*Phía Đông giáp xã Quang Trung, Hà Trì huyện Hòa An*” hiện tại xã Hà Trì giờ đã sáp nhập vào xã Quang Trung.

(4) Tại trang số 3, mục 3.2. Dự báo quy mô đất đai xây dựng đô thị:

Ban KTNS đề nghị UBND tỉnh giải trình nội dung này đã phù hợp với quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của Thành phố Cao Bằng chưa?

(5) Tại biểu tổng hợp ý kiến dân cư, có 143 hộ đồng ý và 308 hộ không đồng ý và được nêu với lý do: Điều chỉnh quy hoạch thành phố ranh giới bao gồm một phần xã Bạch Đằng sẽ dẫn đến diện tích địa giới hành chính xã bị thu hẹp, không đảm bảo tiêu chuẩn và đã được Cơ quan chủ trì trả lời rõ ràng. Tuy nhiên, Ban KTNS đề nghị UBND tỉnh giải trình ngoài lý do trên, 308 hộ không đồng ý còn có lý do nào khác không? Nếu các hộ dân tiếp tục có ý kiến khác đề nghị UBND tỉnh cho biết và đã giải quyết như thế nào?

(6) Tại trang 05 dự thảo Nghị quyết, các nội dung mở rộng khu dân cư số 4 và số 5 đến các xã: Hưng Đạo, Hoàng Tung, Bạch Đằng, Lê Chung và Thị trấn Nước Hai, huyện Hòa An, có chồng lấn với qui hoạch của huyện Hòa An không và đã xin ý kiến thống nhất chưa?

Đề nghị các đại biểu HĐND tỉnh thảo luận và cho ý kiến.

Ban KT - NS trình Kỳ họp xem xét, quyết định.

XIV. Nghị quyết sửa đổi, bổ sung điều 8 quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2022, thời kỳ ổn định 2022-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 91/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng

1. Về thẩm quyền, sự cần thiết ban hành

Dự thảo nghị quyết được xây dựng đúng thẩm quyền về nội dung và hình thức; việc đề nghị ban hành nghị quyết là cần thiết nhằm khắc phục những hạn chế, bất cập trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 91/NQ-HĐND

ngày 10/12/2021 trên thực tế; phù hợp chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của nhà nước và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh

(1) Tại điểm a, khoản 2, điều 1: Đề nghị cơ quan soạn thảo báo cáo, làm rõ căn cứ đưa ra các mức tỷ lệ phân chia tiền thu từ sử dụng đất, việc tiếp thu ý kiến của các địa phương (*đưa số các huyện, thành phố đưa ra mức phân chia 50% - 50% đối với nội dung địa chỉ đất, dự án đô thị trên địa bàn các huyện, thành phố do các huyện, thành phố thực hiện*).

(2) Đối với nội dung: *“Các cấp ngân sách dành một phần số thu tiền sử dụng đất được hưởng theo phân cấp để thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính thường xuyên theo quy định của nhà nước”*, đề nghị cơ quan soạn thảo quy định tỷ lệ cụ thể, không dùng cụm từ *“dành một phần”*, để tránh vướng mắc trong quá trình thực hiện.

(3) Đối với các dự án tạo quỹ đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt vay Quỹ phát triển đất, cơ quan soạn thảo cần tính toán để đảm bảo các cấp ngân sách, có đủ kinh phí trả tiền vay cho Quỹ phát triển đất.

(4) Đối với căn cứ, thể thức trình bày dự thảo Nghị quyết:

- Đề nghị bổ sung căn cứ: *“Thực hiện Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2023”*.

- Đề nghị bổ sung căn cứ: *“Công văn số 4507/BTC-QLNS ngày 19 tháng 05 năm 2022 của Bộ Tài chính về việc hoạt động của Quỹ phát triển đất của địa phương; Công văn số 8114/BTC-QLNS ngày 15 tháng 8 năm 2022 của Bộ Tài chính về việc hoạt động của Quỹ phát triển đất của địa phương”*.

Ban KT NS trình Kỳ họp xem xét, quyết định.

XV. Nghị quyết về việc phân bổ ngân sách nhà nước năm 2023 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

1. Về thẩm quyền, sự cần thiết ban hành

Việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành nghị quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Về nội dung Nghị quyết

2.1. Phân bổ tổng vốn NSTW: 2.395.562 triệu đồng, trong đó:

- Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi: 1.510.738 triệu đồng.

- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 797.515 triệu đồng

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: 87.132 triệu đồng.

2.2. Phân bổ chi tiết dự án đầu tư cho các sở, ban, ngành của tỉnh với Tổng số vốn là 41.213 triệu đồng, trong đó:

- Chương trình phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 19.375 triệu đồng

- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững là 21.838 triệu đồng

3. Ý kiến của ban KT-NS

(1) Đối với các chương trình mục tiêu quốc gia, đề nghị UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ đến các tiểu dự án theo quy định tại Quyết định số 1506/QĐ-TTg ngày 02/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

(2) Đối với phần vốn đầu tư 1.158.344 triệu đồng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng phân bổ trong năm 2023, đề nghị UBND tỉnh báo cáo dự kiến phân bổ cho bao nhiêu dự án chuyển tiếp và bao nhiêu dự án khởi công mới?

(3) Các Trường dân tộc nội trú hiện nay tỉnh đã chuyển về huyện quản lý, đề nghị UBND tỉnh phân bổ vốn sự nghiệp để mua sắm trang thiết bị cho huyện thực hiện.

(4) Đối với các Chương trình phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, Ban KT - NS đề nghị UBND tỉnh bổ sung báo cáo tổng số vốn phân bổ đến cấp xã.

(5) Đề nghị UBND tỉnh kiểm tra số liệu cho chính xác, thống nhất giữa các văn bản.

(6) Tại Điều 1, dự thảo Nghị quyết đề nghị UBND tỉnh bỏ cụm từ “kế hoạch vốn”, chỉnh thành: “*Phân bổ ngân sách nhà nước năm 2023 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng*”.

(7) Tại Khoản 2, Điều 2, dự thảo Nghị quyết, đề nghị UBND tỉnh chỉnh sửa: “*Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện **phân bổ ngân sách nhà nước, danh mục dự án đầu tư** năm 2023; khẩn trương hoàn thành thủ tục đầu tư, tổ chức triển khai thực hiện các dự án bảo đảm đúng quy định hiện hành và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tình hình phân bổ ngân sách nhà nước, danh mục dự án đầu tư tại kỳ họp gần nhất và kỳ họp thường lệ giữa năm*”

(9) Đề nghị UBND cho biết số vốn đối ứng dự kiến là bao nhiêu? Đối ứng từ những nguồn nào, có đáp ứng tỉ lệ đối ứng đã quy định không?

Ban KT - NS trình Kỳ họp xem xét, quyết định.

XVI. Nghị quyết về chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác năm 2022 (đợt 4) để thực hiện đường tránh thị trấn Nước Hai, huyện Hòa An

1. Căn cứ pháp lý và thẩm quyền ban hành Nghị quyết

UBND tỉnh xây dựng và trình HĐND tỉnh thông qua đầy đủ căn cứ pháp lý và đảm bảo đúng thẩm quyền của HĐND tỉnh theo quy định.

2. Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách

- Theo báo cáo thẩm định của UBND tỉnh (Báo cáo số 3165/BC-HĐTĐ ngày 01/12/2022) đối với hồ sơ chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án: Đường tránh thị trấn Nước Hai, huyện Hòa An được Hội đồng thẩm định khẳng định phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp cấp quốc gia; quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất của huyện Hòa An. Ban KTNS nhất trí.

- Tuy nhiên, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo cơ quan chuyên môn rà soát, kiểm tra kỹ hồ sơ đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng, xác định vị trí, ranh giới đảm bảo thống nhất giữa hồ sơ và thực địa.

Ban KTNS đề nghị kỳ họp HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

XVII. Nghị quyết quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương; phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2023

1. Hồ sơ trình thẩm tra:

- Hồ sơ UBND tỉnh trình thẩm tra quá chậm, 18 giờ ngày 03/12/2022 Ban KTNS mới nhận được Tờ trình và dự thảo nghị quyết của UBND tỉnh.

- Theo quy định tại Điểm đ, Khoản 2, Điều 124, Luật QPPL, Ban KTNS đề nghị UBND tỉnh bổ sung các tài liệu kèm theo như sau:

- (1) Báo cáo dự toán, thuyết minh cơ sở pháp lý và các căn cứ tính toán.
- (2) Báo cáo kế hoạch vay và trả nợ của tỉnh năm 2023.
- (3) Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2023-2025.

2. Nội dung Dự thảo nghị quyết

2.1. Dự toán thu NSDP năm 2023 (Biểu số 15):

(1) Tổng Thu NSDP: 13.289.009 triệu đồng, bằng 108% so với ước thực hiện 2022.

- Thu NSDP hưởng theo phân cấp: 1.527.546 triệu đồng, bằng 109% so.
- Thu bổ sung từ NS cấp trên: 11.761.463 triệu đồng, bằng 108%.

(2) Tổng thu NSNN trên địa bàn: 2.838.000 triệu đồng, bằng 68%.

+ Thu nội địa: 1.638.000 triệu đồng, bằng 104% so với UTH năm 2022.

+ Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: 1.200.000 triệu đồng.

2.2. Dự toán chi NSDP năm 2023 (Biểu số 15):

* **Tổng chi ngân sách địa phương:** 13.277.709 triệu đồng, bằng 121% so với dự toán năm 2022.

1- Tổng Chi cân đối ngân sách địa phương: 8.690.601 triệu đồng, bằng 104% so với dự toán năm 2022.

- Chi đầu tư phát triển: 1.113.551 triệu đồng, bằng 98% so với dự toán năm 2022.

- Chi thường xuyên: 7.401.712 triệu đồng, bằng 105% so với năm 2022.

- Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 1.300 triệu đồng,

- Dự phòng ngân sách: 174.038 triệu đồng, bằng 105% so với năm 2022.

2- Chi các chương trình mục tiêu: 4.270.962 triệu đồng, bằng 188% so với dự toán năm 2022.

- Chi các CTMTQG: 2.395.566 triệu đồng, bằng 170 % so với ước thực hiện năm 2022.

- Chi các chương trình, mục tiêu, nhiệm vụ: 1.875.396 triệu đồng, bằng 83% so với dự toán năm 2022.

3- Chi từ nguồn tăng thu: 316.146 triệu đồng, bằng 99% so với năm 2022.

2.3. Bội thu NSDP (năm 2022 là bội chi): 11.300 triệu đồng.

2.4. Chi trả nợ gốc của NSDP: 24.114 triệu đồng, bằng 133% so với dự toán năm 2022.

2.4. Tổng mức vay của NSDP: 10.800 triệu đồng, bằng 15% so với dự toán năm 2022.

2.5. Thu từ các khoản cho vay của nhà nước: 14.196 triệu đồng.

2.6. Ghi thu, ghi chi ngân sách nhà nước: 15.804 triệu đồng.

3. Ý kiến của Ban KTNS:

(1) Dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 do UBND tỉnh trình bảo đảm các nội dung:

Căn cứ theo: Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư 47/2022/TT-BTC ngày 29/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Nghị quyết 91/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022; Nghị quyết số 95/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

(2) Qua phân tích các số liệu dự toán thu, chi, Ban KT - NS thấy rằng:

- Dự toán thu năm 2023: tăng 8% so UTH 2022; Dự toán chi tăng 21% so UTH 2022; Trả nợ gốc tăng 33% so UTH 2022

- Chi ngân sách: Chi thường xuyên tăng 5% so với dự toán 2022, chiếm 55,7% tổng chi; Chi đầu tư phát triển giảm 2,4% so với dự toán 2022.

- Chi thường xuyên cho GD-ĐT và dạy nghề tăng 6%

- Chi thường xuyên cho KH-CN tăng 3%

- Chi dự phòng tăng 5% so với dự toán 2022, chiếm 1,3% tổng chi ngân sách.

Ban KTNS đề nghị UBND tỉnh giải trình thêm nguyên nhân chi thường xuyên tăng 5% so với dự toán 2022, chiếm 55,7% tổng chi NS, trong khi chi đầu tư phát triển giảm 2,4% so với dự toán 2022?

(3) Đối với Dự toán thu ngân sách:

- **Thu nội địa:** 1.638.000 triệu đồng, tăng 104% so với ước thực hiện năm 2022, Ban KTNS nhất trí, đề nghị UBND tỉnh giải trình, làm rõ một số nội dung như sau:

+ Thuế bảo vệ môi trường (tại biểu số 16, tăng 48% tương ứng với 132.000 triệu đồng) và thu tiền sử dụng đất (tại biểu số 16, tăng 43% tương ứng với 500.000 triệu đồng), có đủ căn cứ và có tính khả thi không, kết quả thu năm 2022 các khoản thu này đạt thấp.

+ Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý: 202.000 triệu đồng

+ Thu cấp quyền khai thác khoáng sản: 45.816 triệu đồng

- **Thu từ hoạt động XNK:** 1.200.000 triệu đồng, Ban KTNS nhất trí.

(4) Đối với dự toán chi ngân sách:

4.1. Dự toán chi ĐTPT: 1.113.551 triệu đồng bằng 98% dự toán giao năm 2022 (giảm 27,729 tỷ đồng), đề nghị UBND tỉnh cho biết nguyên nhân, lý do giảm chi đầu tư phát triển?

4.2. Dự toán chi thường xuyên: 7.401.712 triệu đồng bằng 105% so với dự toán 2022 giao (tăng 350.162 triệu đồng), Ban KTNS đề nghị UBND tỉnh cho biết nguyên nhân, lý do dự toán chi thường xuyên tăng các đơn vị nào?

- **Tại biểu 35:** Dự toán chi NS cấp tỉnh cho các đơn vị năm 2023: sau khi đối chiếu với Dự toán 2022, Ban KTNS thấy rằng cơ bản các đơn vị có số chi thường xuyên tăng so với năm 2022. (**chi tiết như biểu số 2 kèm theo**) cụ thể:

+ **Các đơn vị có số chi thường xuyên tăng lớn hơn 10 tỷ: 05 Đơn vị** (Sở Nông nghiệp và PTNT: Tăng 14.011 triệu đồng; Sở Lao động TB&XH: Tăng 20.701 triệu đồng; Sở văn hóa, thể thao và du lịch: Tăng 12.550 triệu đồng; Quỹ phát triển KH-CN: Tăng 12.405 triệu đồng; Ngân hàng chính sách xã hội: Tăng 130.000 triệu đồng)

+ **Các đơn vị có số chi thường xuyên tăng từ 5 đến 10 tỷ: 06 đơn vị** (Sở giao thông vận tải: Tăng 8.805 triệu đồng; Sở nội vụ: Tăng 9.772 triệu đồng; Sở Thông tin và truyền thông: Tăng 5.543 triệu đồng; Sở Xây dựng: Tăng 7.205 triệu đồng; Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh: Tăng 5.030 triệu đồng; Công ty TNHH một thành viên Thủy nông Cao Bằng: Tăng 5.560 triệu đồng.

+ **Các đơn vị có số chi thường xuyên tăng từ 1 đến 5 tỷ: 07 đơn vị** (Văn phòng Tỉnh ủy: 3.848 triệu đồng; Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc Hội HĐND tỉnh: 1.060 triệu đồng; Văn phòng UBND tỉnh: 4.575 triệu đồng; Sở Kế hoạch và Đầu tư: 1.905 triệu đồng; Sở Ngoại vụ: 4.860 triệu đồng; Sở Công thương: 1.398 triệu đồng; Hội nông dân: 1.024 triệu đồng...).

+ **Cấp ngân sách cho các công ty: 05 đơn vị** (Công ty TNHH Quang Minh Cao Bằng: 30 triệu đồng; Công ty CP Xuất nhập khẩu Cao Bằng: 290 triệu đồng; Công ty TNHH Kolia Cao Bằng: Tăng 111 triệu đồng; Công ty CP chăn nuôi Ánh Dương: 315 triệu đồng; Công ty TNHH một thành viên Thủy nông Cao Bằng: 30.105 triệu đồng.

+ **Các đơn vị có số chi thường xuyên giảm lớn hơn 10 tỷ: 05 Đơn vị** (Sở Tài chính: Giảm 31.054 triệu đồng; Sở Khoa học và công nghệ: Giảm 11.950 triệu đồng; Sở Giáo dục & Đào tạo: Giảm 153.711 triệu đồng; Sở Y tế: Giảm 36.922 triệu đồng; Sở Tài nguyên môi trường: Giảm 12.952 triệu đồng.

+ **Đối với Văn phòng ĐBQH & HĐND tỉnh**, năm 2022 kinh phí giao 12.000 triệu đồng, phân bổ cho Đoàn ĐBQH tỉnh là 800 triệu đồng, số kinh phí dành cho các hoạt động chuyên môn của 50 Đại biểu HĐND tỉnh là 11.200 triệu đồng, nên chưa đảm bảo chi theo định mức tại Nghị quyết 100/2021/NQ-HĐND tỉnh, dự toán là 16.595 triệu đồng. Ban KTNS đề nghị UBND tỉnh cân đối để bổ sung dự toán năm 2023 cho Văn phòng Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh số kinh phí tăng là: 4.000 triệu đồng.

Trong khi biên chế giao năm 2023 không tăng so với năm 2022, các chế độ chính sách chưa thay đổi. Đồng thời, theo quy định tại Nghị quyết số 95/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành Quy định mức phân bổ dự toán năm 2022, thời kỳ ổn định ngân sách năm 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, định mức phân bổ năm 2023 đang trong thời kỳ ổn định, Ban KTNS đề nghị UBND tỉnh giải trình làm rõ nội dung tăng, giảm của từng đơn vị như biểu chi tiết kèm theo?

- **Tại biểu 41:** Dự toán Chi NSDP từng huyện năm 2023

+ Tổng chi thường xuyên 2023: theo rà soát của là: 4.900.784 triệu đồng (số liệu tại biểu 4.880.784 triệu đồng) chênh lệch 20.000 triệu đồng, đề nghị UBND tỉnh tính toán lại số liệu chính xác.

+ Tổng chi thường xuyên 2023 tăng 125.968 triệu đồng so với dự toán năm 2022, Trong đó: có 8 huyện tăng so với năm 2022, 02 huyện có số chi giảm so với năm 2022 là: Thành phố, Hạ Lang. **(chi tiết như biểu số 3 kèm theo).**

Theo quy định tại Nghị quyết số 95/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành Quy định mức phân bổ dự toán năm 2022, thời kỳ ổn định ngân sách năm 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, định mức phân bổ năm 2023 không thay đổi. Ban KTNS đề nghị UBND tỉnh giải trình làm rõ nội dung tăng, giảm của từng đơn vị.

+ Trong năm 2022 dự toán chi thường xuyên giao cho các huyện là: 4.774.816 triệu đồng (đã bao gồm 50 tỷ/ huyện để chi đầu tư phát triển), nếu trừ đi 500.000 triệu đồng, thì số dự toán theo định mức của năm 2022 là: 4.274.816 triệu đồng. Năm 2023 UBND tỉnh dự kiến phân bổ cho các huyện là: 4.900.784 triệu đồng, tăng so với năm 2022 là: 625.968 triệu đồng, tuy nhiên việc cung cấp hồ sơ, tài liệu để phục vụ cho việc thẩm tra không đầy đủ và chưa đảm bảo đúng thời gian, nên không làm rõ được số kinh phí giao tăng cho các huyện. Ban KTNS đề nghị UBND tỉnh giải trình và làm rõ và khẳng định việc giao dự toán chi thường xuyên cho các huyện đã tuân thủ nghị quyết 95/2021/NQQ-HĐND, nếu không giải trình, làm rõ đề nghị tạm thời giảm dự toán chi ngân sách năm 2023 của các huyện, thành phố là (50 tỷ/huyện).

(5) Đối với dự toán chi các chương trình, mục tiêu, nhiệm vụ: 1.875.396 triệu đồng, đề nghị UBND tỉnh thuyết minh rõ thêm gồm các chương trình, nhiệm vụ nào?

(6) Số kinh phí còn lại chưa phân bổ là bao nhiêu, Ban KTNS đề nghị UBND tỉnh thuyết minh cho đại biểu rõ?

(7) Dự phòng ngân sách 174.038: Ban đề nghị tính toán đủ dự phòng cho cấp huyện và cấp tỉnh theo quy định của Luật Ngân sách.

(8) Ban KTNS đề nghị UBND tỉnh cung cấp chi tiết thêm số liệu đối với số tiền tăng 160 tỷ so với năm 2022 để chi cho các Nghị quyết của HĐND đã ban hành. Xem xét cân đối nguồn kinh phí chi bổ sung cho việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 30/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.

(9) Ban KTNS đề nghị UBND tỉnh nghiên cứu, giải trình rõ để phương án Thu, Chi tại dự thảo Nghị quyết này thống nhất với các số vốn chi đầu tư trong kế hoạch đầu tư công 2023.

Đề nghị các đại biểu HĐND tỉnh thảo luận và cho ý kiến.

Ban KTNS đề nghị kỳ họp HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

Trên đây là báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đối với các báo cáo, hồ sơ dự thảo Nghị quyết trình tại kỳ họp thứ 11, HĐND tỉnh khoá XVII, nhiệm kỳ 2021-2026.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh (B/c);
- UBND tỉnh (B/c);
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban KTNS HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo và chuyên viên Văn Phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH
TRƯỞNG BAN



La Văn Hồng



PHỤ LỤC 01

**CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH ĐỀ NGHỊ CƠ QUAN SOẠN THẢO KIỂM TRA, RÀ SOÁT DO QUÁ 03
NĂM LIÊN TIẾP CHƯA CÓ QUYẾT ĐỊNH THU HỒI ĐẤT**

(Kèm theo Báo cáo kiểm tra số 522/BC-HĐND ngày 15/12/2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh)

STT	Tên Dự án, công trình
1	Kho lưu trữ chuyên dụng tỉnh Cao Bằng
2	Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND phường Tân Giang và Trạm y tế phường Tân Giang
3	Dự án phát triển đô thị 2A (thành phố)
4	Dự án phát triển đô thị 4A1 (thành phố)
5	Khu tái định cư đường phía Nam, khu đô thị mới thành phố Cao Bằng, hạng mục: Khu tái định cư I (thành phố)
6	Phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu đô thị Khuổi Đưa, phường Ngọc Xuân, thành phố Cao Bằng (thành phố)
7	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật, chỉnh trang đô thị khu dân cư tổ 1, phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng (Tên cũ: Khu tái định cư trường dạy nghề và khu vực Km4) (thành phố)
8	Dự án phát triển đô thị 6A (thành phố)
9	Dự án phát triển đô thị 7A (thành phố)
10	Dự án phát triển đô thị 8A (thành phố)
11	Dự án phát triển đô thị 9A (thành phố)
12	Dự án phát triển đô thị 10A (thành phố)
13	Dự án PTĐT Bắc Sông Hiến, thành phố Cao Bằng (thành phố)
14	Tái định cư Mỏ sắt Nà Rụa (DA11A) (thành phố)
15	Khu Tái định cư 2 khu đô thị mới thành phố Cao Bằng (thành phố)
16	Cầu nối Đê Thám (nối phường Đê Thám - Vĩnh Quang) (thành phố)
17	Đường giao thông từ tổ 6 - tổ 9 cầu treo Nà Hoàng, phường Hòa Chung (thành phố)

STT	Tên Dự án, công trình
18	Cầu Bế Văn Đàn (nối phường Hợp Giang - Hòa Chung) (thành phố)
19	Cầu Ngọc Xuân (nối phường Hợp Giang - Ngọc Xuân) (thành phố)
20	Công trình bến xe khách Cao Bằng (thành phố)
21	Dự án phát triển đô thị phường Sông Bằng (khu C) - phần hạ tầng kỹ thuật (gộp 03 dự án 1C, 2C và 3C) (thành phố)
22	Sân thể thao cụm Hồng Quang - Cao Bình (thành phố)
23	Cụm di tích chùa Viên Minh đền Quán Triều (thành phố)
24	Đầu tư khai thác lộ thiên Mỏ sắt Nà Rạ - Bãi thải số 03 (thành phố)
25	Đầu tư khai thác lộ thiên Mỏ sắt Nà Rạ - Khai trường khu Bắc (thành phố)
26	Bể chứa nước Mù Chàng (Bảo Lạc)
27	Bể chứa nước Ngâm Lồm (Bảo Lạc)
28	Nhà sinh hoạt cộng đồng xóm Phiêng Bướng (Bảo Lạc)
29	Mở rộng nhà văn hóa xóm Cốc Xả (Bảo Lạc)
30	Dự án khai thác lộ thiên mỏ Niken đồng (giai đoạn I) (xã Quang Trung, Hòa An)
31	Thủy điện Hồng Nam (Hòa An)
32	Thủy Điện Pác Khuổi (Hòa An)

PHỤ LỤC 2

BIỂU SO SÁNH DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2022 VÀ DỰ KIẾN NĂM 2023
(Tại biểu số 35 của dự thảo Nghị quyết kèm theo Tờ trình 3189/TTr-UBND ngày 03/12/2022 của UBND tỉnh)

(Kèm theo Báo cáo thẩm tra số 522/BC-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh)

STT	Tên đơn vị	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)			
		Dự toán năm 2022 (theo NQ 96/NQ-HĐND)	Dự kiến dự toán năm 2023	Tăng	giảm
A	B				
A	TỔNG SỐ	7.210.130	1.956.545	255.660	5.509.245
I	CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC	1.978.214	1.956.545	255.660	277.329
1	Văn phòng tỉnh ủy	80.300	84.148	3.848	
2	Ban dân vận tỉnh ủy				
3	Trường CT Hoàng Đình Giông	9.000	9.588	588	
4	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	19.538	20.598	1.060	
5	Văn phòng UBND tỉnh	32.270	36.845	4.575	
6	Ban dân tộc	10.009	5.666		4.343
7	Sở Tài chính	43.150	12.096		31.054
8	Sở giao thông vận tải	86.670	95.475	8.805	
9	Sở kế hoạch và đầu tư	7.947	9.897	1.950	
10	Sở ngoại vụ	10.353	15.213	4.860	
11	Sở nội vụ	22.128	31.900	9.772	
12	Thanh tra tỉnh	5.284	5.723	439	
13	Sở Thông tin và truyền thông	20.642	26.185	5.543	
14	Sở Nông nghiệp và PTNT	80.494	94.505	14.011	
15	Sở Tư pháp	15.245	14.181		1.064
16	Sở công thương	11.209	12.607	1.398	
17	Sở Khoa học và công nghệ	26.014	14.064		11.950
18	Sở Xây dựng	6.844	14.049	7.205	
19	Sở Giáo dục & Đào tạo	564.266	410.555		153.711
20	Sở Y tế	418.319	381.397		36.922
21	Sở Lao động TB & XH	75.284	95.985	20.701	
22	Trường trung cấp nghề				
23	Sở văn hóa, thể thao và du lịch	76.075	88.625	12.550	
24	Sở Tài nguyên môi trường	42.319	29.367		12.952

STT	Tên đơn vị	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)			
		Dự toán năm 2022 (theo NQ 96/NQ- HĐND)	Dự kiến dự toán năm 2023	Tăng	giảm
A	B				
25	Ban quản lý khu kinh tế tỉnh	45.134	41.399		3.735
26	Mặt trận tổ quốc	8.552	8.698	146	
27	Tỉnh đoàn thanh niên	6.795	6.283		512
28	Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh	5.594	5.698	104	
29	Hội Nông dân	4.988	6.012	1.024	
30	Hội cựu chiến binh	2.973	3.058	85	
31	Liên minh các HTX	2.082	2.311	229	
32	Hội chữ thập đỏ	1.596	1.798	202	
33	Hội Đông y	813	987	174	
34	Hội Nhà báo	1.436	1.860	424	
35	Hội Luật gia	326	329	3	
36	Hội người mù	814	969	155	
37	Hội khuyến học	337	398	61	
38	Đài Phát thanh Truyền hình	19.762	18.612		1.150
39	Hội bảo vệ thiên nhiên và môi trường	335	309		26
40	Liên hiệp các hội KH&KT	1.384	2.208	824	
41	Hội Làm vườn	539	746	207	
42	Hội bảo trợ người khuyết tật và bảo vệ quyền trẻ em	471	495	24	
43	Hội nạn nhân chất độc màu da cam/Diôxin	566	617	51	
44	Hội văn học nghệ thuật	2.214	2.675	461	
45	Hội cựu thanh niên xung phong	379	409	30	
46	Ban đại diện hội người cao tuổi	623	886	263	
47	Quỹ phát triển đất			-	-
48	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị	482	343		139
49	Quỹ phát triển KHCN	-	12.405	12.405	
50	Quỹ phát triển Hợp tác xã	-		-	-
51	Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng tỉnh Cao Bằng			-	-
52	Chi cục quản lý thị trường	200	100		100
53	Cục Thống kê	400	400	-	-
54	Ngân hàng chính sách xã hội	20.000	150.000	130.000	

STT	Tên đơn vị	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)			
		Dự toán năm 2022 (theo NQ 96/NQ- HĐND)	Dự kiến dự toán năm 2023	Tăng	giảm
A	B				
55	Công an tỉnh	37.900	36.000		1.900
56	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	18.083	23.113	5.030	
57	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	85.700	85.190		510
58	Bảo hiểm xã hội tỉnh	527	500		27
59	Bưu điện tỉnh	650	667	17	
60	Tòa án nhân dân tỉnh	600	600	-	-
61	Liên đoàn lao động tỉnh	-	350	350	
62	Viện kiểm sát nhân dân tỉnh	-		-	-
63	Cục thi hành án dân sự tỉnh	500	600	100	
64	Công ty TNHH Đầu tư phát triển và Môi trường Cao Bằng	17.047			17.047
65	Công ty TNHH Quang Minh Cao Bằng	212	30		182
66	Công ty CP Xuất nhập khẩu Cao Bằng	179	290	112	
67	Công ty TNHH Kolia Cao Bằng	116	111		5
68	Công ty CP chăn nuôi Ánh Dương		315	315	
69	Công ty TNHH một thành viên Thủy nông Cao Bằng	24.545	30.105	5.560	
70	Văn phòng điều phối CT MTQG xây dựng Nông thôn mới			-	-
71	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông			-	-
72	Ban quản lý công viên địa chất non nước Cao Bằng			-	-
73	Ban điều phối dự án hỗ trợ kinh doanh cho nông hộ tỉnh Cao Bằng			-	-
II	CHI TRẢ NỢ LÃI CÁC KHOẢN DO CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG VAY			-	-
III	CHI TRẢ NỢ GỐC CÁC KHOẢN DO CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG VAY			-	-
IV	CHI BỔ SUNG QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH			-	-
V	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH			-	-
VI	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG			-	-
VI	CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI	4.341.288			4.341.288

STT	Tên đơn vị	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)			
		Dự toán năm 2022 (theo NQ 96/NQ- HĐND)	Dự kiến dự toán năm 2023	Tăng	giảm
A	B				
VII	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU			-	-
VIII	CTMTQG VÀ MỘT SỐ NHIỆM VỤ, MỤC TIÊU KHÁC	890.628			890.628
B	CHI TRẢ NỢ GỐC CÁC KHOẢN DO CQĐP			-	-
I	Từ nguồn vay để trả nợ gốc			-	-
II	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh			-	-

Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG) giảm 5.253.585 triệu đồng

PHỤ LỤC 3

SO SÁNH DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG TỪNG HUYỆN NĂM 2022 VÀ DỰ KIẾN NĂM 2023
(Tại biểu số 41 của dự thảo Nghị quyết kèm theo Tờ trình 3189/TTr-UBND ngày 03/12/2022 của UBND tỉnh)

(Kèm theo Báo cáo thẩm tra số 522 /BC-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh)

STT	Tên đơn vị	Chi thường xuyên						
		Dự toán năm 2022 (theo NQ 96/NQ-HĐND)	Dự toán năm 2022 (giảm chi mỗi huyện 50 tỷ)	Dự kiến dự toán 2023	So sánh DT năm 2023 và DT năm 2022 sau giảm chi 50 tỷ mỗi huyện		So sánh DT năm 2023 và DT năm 2022 (theo NQ 96/NQ-HĐND)	
					Tăng	giảm	Tăng	giảm
	TỔNG SỐ	4.774.816	4.274.816	4.900.784	625.968		156.139	30.171
1	Thành Phố	383.726	333.726	366.989	33.263			16.737
2	Hòa An	433.302	383.302	434.407	51.105		1.105	
3	Quảng Hòa	547.901	497.901	577.527	79.626		29.626	
4	Trùng Khánh	613.752	563.752	643.384	79.632		29.632	
5	Thạch An	349.734	299.734	353.009	53.275		3.275	
6	Nguyên Bình	420.266	370.266	425.647	55.381		5.381	
7	Bảo Lạc	520.410	470.410	537.704	67.294		17.294	
8	Bảo Lâm	533.445	483.445	572.848	89.403		39.403	
9	Hà Quảng	664.265	614.265	694.688	80.423		30.423	
10	Hạ Lang	308.015	258.015	294.581	36.566			13.434

So sánh DT năm 2023 và DT năm 2022 sau giảm chi 50 tỷ mỗi huyện: Tăng 625.968 triệu đồng

So sánh DT năm 2023 và DT năm 2022 (theo NQ 96/NQ-HĐND): Tăng 125.968 triệu đồng